TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**
Số: **87/2025/QĐST-HNGĐ**	*Quận B, ngày 17 tháng 03 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B

Căn cứ Điều 212 và Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 18/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1982;

Địa chỉ: 2.15 Chung cư G, Số 09 NK, Phường M, Quận B, TP. H

Ông Trần Đức T, sinh năm 1982;

Địa chỉ: 2.15 Chung cư G, Số 09 NK, Phường M, Quận B, TP. H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 07 tháng 03 năm 2025, Tòa án nhân dân Quận B đã lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành, các đương sự thỏa thuận như sau:

[1] Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị H1 và ông Trần Đức T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị H1 và ông Trần Đức T xác nhận có 03 (ba) con chung tên là Trần Đức M1, sinh ngày 27/06/2018; trẻ Trần Đức A, sinh ngày 28/02/2020 và trẻ Nguyễn Tú A1, sinh ngày 25/08/2022. Hai bên thỏa thuận giao cả 03 (ba) con chung là trẻ Trần Đức M1, trẻ Trần Đức A, trẻ Nguyễn Tú A1 cho bà Hoà trực tiếp nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Bà Nguyễn Thị H1 và ông Trần Đức T xác nhận không có.

[4] Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị H1 tự nguyện nộp toàn bộ.

Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H1 và ông Trần Đức T thuận tình ly hôn *(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 66, tại Ủy ban nhân dân Phường BTT, Quận H2, Thành phố H cấp ngày 08/5/2018).*

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị H1 và ông Trần Đức T xác nhận có 03 (ba) con chung tên là Trần Đức M1, sinh ngày 27/06/2018; trẻ Trần Đức A, sinh ngày 28/02/2020 và trẻ Nguyễn Tú A1, sinh ngày 25/08/2022. Hai bên đương sự thỏa thuận giao cả 03 (ba) con chung là trẻ Trần Đức M1, trẻ Trần Đức A, trẻ Nguyễn Tú A1 cho bà Hoà trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Về việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận.

Ông Tín có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở; nhưng ông Tín không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Bà Nguyễn Thị H1 và ông Trần Đức T xác nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*), bà Nguyễn Thị H1 tự nguyện nộp toàn bộ. Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà Hoà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai BLTU/23P số 0006992 ngày 27/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B. Bà Hoà đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Tòa án TP. H;
- Chi cục THADS Quận B;
- Lưu: Hồ sơ, VPTA.

THẨM PHÁN

Trần Thị Xuân Quỳnh